TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HSST
Ngày 16-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ An Toàn
2. Ông Lê Quang Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cúc– Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 259/2017/HSSTngày 19 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX–HSST ngày 05 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

X, sinh năm 1993 tại thành phố T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường P, phường MH, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi ở khi bị bắt: đường P, phường MH, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 08/12; nghề nghiệp: không; con ông Đ và bà Đ; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 06 tháng 10 năm 2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T (có mặt).

Bị hại: P, sinh năm 1998;

Địa chỉ: đường BM, phường M, thành phố T, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh T, sinh năm 1991;

Đại chỉ: đường P, phường MH, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Anh A, sinh năm 2001;

Địa chỉ: đường BM, phường M, thành phố T, tỉnh Ba Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Anh S, sinh năm 1987;

Địa chỉ: khu phố B, ấp L, thị trấn LH, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Anh H, sinh năm 1993;
Địa chỉ: ấp L, thị trấn LH, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
5. Anh G, sinh năm 1988;
Địa chỉ: HP, thị trấn LH, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 13/8/2017, X gặp anh P đang chơi điện tử tại quán Internet TK trên đường đường BM, phường M, thành phố T. Khi gặp anh P, X nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu đen vàng, BKS 72L9 - 4220 của anh P, nên X nói dối rủ anh P cùng một số người bạn của anh P lên nhà bác của X để ăn tiệc. Anh P cùng nhóm bạn đồng ý đi theo X đến hẻm gần trụ sở khu phố 5, phường MH, thành phố T. Khi đến đầu hẻm, X nói anh P đứng ngoài chờ và cho X mượn xe mô tô Sirius của anh P chạy vào nhà bác sắp xếp. Anh P tin X nói thật nên đã giao xe mô tô Yamaha Sirius màu đen vàng, biển kiểm soát 72L9 - 4220 cho X. Sau khi được anh P giao xe, X điều khiển xe qua thị trấn LH, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gặp S trú tại: khu phố B, ấp L, thị trấn LH, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhờ bán xe. Do S nghĩ là xe của X nên gọi điện thoại cho H trú tại: ấp L, thị trấn LH, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để liên hệ bán xe giúp X. H đến đưa xe trên đi bán cho G, trú tại: TT, TB, VL, tỉnh Vĩnh Long với giá 2.700.000 đồng. Trước khi giao xe cho H, X đã đổi biển số xe 72L9 - 4220 thành biển số 72 - K8 4343. Số tiền có được do bán xe của anh P, X đã tiêu xài tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Tại biên bản định giá tài sản số 195/BB-PTCKH ngày 29/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận, xe máy Yamaha Sirius màu đen vàng, biển kiểm soát 72L9 - 4220 trị giá 5.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả lại 01 mô tô Yamaha Sirius, BKS: 72L9 - 4220 cho anh P (BL 27). Sau khi nhận lại tài sản anh P không có yêu cầu gì thêm.

Ngoài vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" trên, X còn khai nhận thực hiện hành vi lạm dụng chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị dưới 4.000.000 đồng như sau:

Vụ thứ 1: Ngày 21/6/2017, X gặp anh T, sinh năm 1991; HKTT: đường P , phường MH, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại xưởng cơ khí trên đường P , phường MH, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại đây, T đưa cho X 200.000 đồng nhờ X đi mua ma túy để cùng sử dụng. Do điện thoại hết pin nên X nói với T "điện thoại hết pin, không gọi cho N được" nên T đã đưa cho X chiếc điện thoại hiệu OPPO F1S màu vàng của T để X liên lạc với N (người bán ma túy không rõ lai lịch) mua ma túy. Sau đó, X nhờ C (không rõ lai lịch) chở qua thị trấn LH, huyện Đ, tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu để mua ma túy. Trên đường trở về, do xe hết xăng nên X chiếm đoạt điện thoại của T đem cầm tại tiệm cầm đồ NH (X không nhớ chính xác địa chỉ cụ thể) được 1.500.000 đồng. X dùng số tiền này đổ xăng hết 30.000 đồng còn lại tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy hết.

Tại biên bản định giá tài sản số 166/BB-PTCKH ngày 11/8/2017 của HĐĐG tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S của T trị giá 3.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 13/8/2017 (buổi chiều cùng ngày với vụ chiếm đoạt xe của anh P), X đã mượn 01 điện thoại di động hiệu Zenfone live ZB501KL màu vàng của anh A, sinh năm 2001; HKTT: đường BM, phường M, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì cần tiền tiêu xài nên X đã bán điện thoại di động của A tại tiệm điện thoại (X không nhớ địa chỉ cụ thể) với giá 900.000 đồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy hết.

Tại biên bản định giá tài sản số: 245/BB-PTCKH ngày 24/11/2017 của HĐĐG tài sản tố tụng hình sự thành phố T kết luận 01 điện thoại di động hiệu Zenfone live ZB501KL trị giá 1.850.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Công an thành phố T, X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Đối với anh S, H, G khi giới thiệu giúp X bán xe và khi mua xe của X, cả ba không biết đây là tài sản phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phos T không khởi tố về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có'.

Bản cáo trạng số 255/CT-VKS ngày 12/12/2017, Viện Kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu đã truy tố bị cáo X về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 Bộ Luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo X đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Khi nói lời sau cùng, bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo X về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Sang từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 72K8 – 4343; Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại anh T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại bị cáo đã chiếm đoạt là 6.000.000đ; anh A yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại bị cáo đã chiếm đoạt là 3.000.000đ. Tại Tòa bị cáo đồng ý bồi thường giá trị 02 chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt của anh T

và anh A theo giá mà Hội đồng định giá đã định, nên đề nghị HĐXX buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các tài liệu, vật chứng đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, X đã dùng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng giao tài sản cho bị cáo, sau đó chiếm đoạt, cụ thể bị cáo đã chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen vàng mang biển kiểm soát 72L9 – 4220, trị giá 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) của anh P. Hành vi của bị cáo X đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" . Vì vậy,Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, có sức khỏe nhưng không chịu làm ăn lương thiện, vì tham lam, muốn hưởng thụ nhanh bằng thành quả, tài sản của người khác và cần tiền để mua ma túy sử dụng, bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hành vi gian dối. Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây bất an cho cộng đồng chung. Ngoài ra, bị cáo còn thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 02 vụ khác, nhưng do tài sản dưới 4.000.000đ nên cơ quan điều tra xử phạt hành chính. Vì vậy, cần phải xử lý, áp dụng mức hình phạt phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời bảo đảm răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thiệt hại về vật chất không lớn, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo tốt.

[5] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 72K8-4343 theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 53/BB.THA ngày 20 tháng 12 năm 2017 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh P đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét. Riêng đối với yêu cầu bồi thường giá trị 02 chiếc điện thoại di động của anh T và A, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường giá trị 02 chiếc điện thoại mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh T và anh A theo giá mà Hội đồng định giá đã định, nên HĐXX buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo X phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo X **12 (mười hai) tháng tù**, thời hạn tù được tính từ ngày 06 tháng 10 năm 2017.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 72K8-4343 theo biên bản giao nhận vật chứng số 53/BB.THA ngày 20 tháng 12 năm 2017 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết;

Bị hại P không yêu cầu nên không xem xét. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt cho anh T là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng), bồi thường cho anh A 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Về án phí: Bị cáo X phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
1. TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
2. VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
3. Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV2
4. Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
5. VKSND Tp.Vũng Tàu;
6. Công An Tp.Vũng Tàu;
7. Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
8. Bị cáo, người liên quan.
9. Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Huyền

10.